

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 437/2024/DS-PT

Ngày: 06 -11 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào.

Ông Đỗ Cao Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** 1. Ông Dương Văn T1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2. Bà Trịnh Thị S, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- **Người kháng cáo:** Bà Trịnh Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Ngày 11/10/2020 bà cho vợ chồng ông Dương Văn T1, bà Trịnh Thị S vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, để làm tin bà S, ông T1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1, bà S đứng tên đăng ký chủ sử dụng có diện tích 6.858m² đất tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau, vợ chồng ông T1, bà S cùng ký tên biên nhận vay, từ khi

vay đến nay không có đóng lãi, trả vốn cho bà.

Ngày 11/01/2021 bà cho vợ chồng ông Dương Văn T1, bà Trịnh Thị S vay tiếp 240.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 03 tháng, bà S, ông T1 tiếp tục ghi nhận việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1, bà S đứng tên đăng ký phần đất diện tích 6.858m² tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau của lần giao dịch trước để đảm bảo thanh toán nợ, từ khi vay đến nay không có đóng lãi, trả vốn cho bà.

Bà T yêu cầu buộc ông T1, bà S trả tiền vay cho bà gồm vốn, lãi của hai khoản như sau:

- Khoản vay ngày 11/10/2020 âm lịch bằng 200.000.000 đồng; Lãi tính từ ngày 11/10/2020 âm đến ngày xét xử là ngày 14/6/2024 tính tròn 44 tháng, mức lãi 2%/tháng, thành tiền bằng 176.000.000 đồng, cộng chung vốn, lãi bằng 376.000.000 đồng.

- Khoản vay ngày 11/01/2021 âm lịch bằng 240.000.000 đồng; Lãi tính từ ngày 11/01/2021 âm đến ngày xét xử là ngày 14/6/2024 tính tròn 41 tháng, mức lãi 2%/tháng, thành tiền bằng 196.800.000 đồng, cộng chung vốn, lãi bằng 436.800.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu buộc ông T1, bà S trả cho bà tiền vốn, tiền lãi bà yêu cầu tính lãi theo mức pháp luật cho phép bằng 20%/năm, cụ thể:

- Tiền vốn vay ngày 11/10/2020 âm bằng 200.000.000 đồng; Lãi tính từ ngày 11/10/2020 âm đến ngày xét xử là ngày 14/6/2024 tính tròn 44 tháng, mức lãi 20%/tháng.

- Tiền vốn vay ngày 11/01/2021 âm bằng 240.000.000 đồng; Lãi tính từ ngày 11/01/2021 âm đến ngày xét xử là ngày 14/6/2024 tính tròn 41 tháng, mức lãi 20%/năm.

Bà Trịnh Thị S trình bày: Ngày 11/10/2020 âm bà và chồng là ông Dương Văn T1 hỏi vay của bà T 100.000.000 đồng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà và ông T1 đứng tên đăng ký chủ sử dụng phần đất có diện tích 6.858 m² tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau để đảm bảo thanh toán nợ cho bà T. Bà T yêu cầu bà viết biên nhận và cùng ông T1 ký tên, biên nhận phải ghi vay 200.000.000 đồng.

Đến ngày 11/01/2021 âm do cần thêm tiền nên bà và ông T1 hỏi vay tiếp bà T 20.000.000 đồng, bà T yêu cầu ghi biên nhận 40.000.000 đồng, cộng chung với lần vay ngày 11/10/2020 âm bằng số tiền 240.000.000 đồng. Do tin bà T nên sau khi giao biên nhận nhận nợ 240.000.000 đồng bà không lấy lại hợp đồng ngày 11/10/2020 âm, thực tế vợ chồng bà vay bà T hai lần tổng cộng 120.000.000 đồng.

Sau khi vay bà T buộc bà tính lãi theo khoản tiền vay 240.000.000 đồng, mức lãi 5%/tháng, bà đã đóng lãi đủ từ khi vay đến ngày 15/5/2022 âm bằng 4 tháng thể hiện tại sổ theo dõi tự bà ghi ngày 15/5/2022 (mặt 01 biên nhận do bà T ghi, mặt 02 do bà ghi). Cụ thể tại biên nhận mặt 01 bà T ghi có nhận lãi 04 tháng vào ngày 18 và ngày 24 nhận lãi của khoản nợ vay 240.000.000 đồng, mặc dù không

ghi khoản nợ nào đối với sổ theo dõi nhưng thực tế bà đóng lãi đủ khoản nợ 240.000.000 đồng đến ngày 15/5/2022 ã cho bà T.

Do ghi biên nhận như vậy nên bà đồng ý trả cho bà T tiền vốn 240.000.000 đồng và trả lãi theo quy định nhà nước tính từ ngày 16/5/2022 ã cho đến nay. Yêu cầu bà T trả lại cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi vay tiền vợ chồng bà giao cho bà T.

Ông Dương Văn T1 đã được Tòa án ã tổng ðạt ðủ các văn bản theo ðúng qui trình luật tố tụng dân sự qui ðịnh, nhưng không có ý kiến trình bày quan ðiểm giải quyết vụ án, không ðến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ðã ðược triệu tập xét xử ðến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết ðịnh:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

Buộc ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S liên ðối trả cho bà Nguyễn Thị B Tám 750.666.000 đồng (B1 trăm năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bé T hoàn trả lại cho ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 319297 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh C cấp ngày 07/02/2020 . Phần đất thuộc thửa số 82, tờ bản ðồ số 8, diện tích 6.858,0m², tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau do ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S ðứng tên quyền sử dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/6/2024, bà Trịnh Thị S kháng cáo, bà chấp nhận số tiền còn thiếu bà T là 240.000.000 đồng và chấp nhận trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất nhà nước quy ðịnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên ðơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Bị ðơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án, bị ðơn chỉ ðồng ý trả số tiền vốn vay 240.000.000 đồng và lãi suất theo quy ðịnh nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội ðồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa ðúng quy ðịnh pháp luật. ðề nghị Hội ðồng xét xử căn cứ khoản 2 ðiều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị ðơn, sửa bản án dân sự, sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước về phần trách nhiệm thanh toán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị S còn trong thời hạn luật định.

[2] Xét tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông T1, bà S cùng có trách nhiệm thanh toán trả 440.000.000 đồng tiền vốn của hai biên nhận vay tiền và khoản tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, khoản vay ngày 11/10/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 44 tháng, khoản vay ngày 11/01/2021 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 41 tháng. Việc yêu cầu điều chỉnh mức lãi như vậy là đúng theo qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Biên nhận nợ ngày 11/10/2020 âm lịch và ngày 11/01/2021 âm lịch bà S thừa nhận chính bà viết và cùng ông T1 ký, bà S cho rằng biên nhận ngày 11/01/2021 âm lịch là gộp nợ với biên nhận ngày 11/10/2020 âm lịch nên số tiền là 240.000.000 đồng, nhưng tại lời trình bày của bà S bà cho là vay lần đầu 100.000.000 đồng nhưng bà T kê ghi số tiền 200.000.000 đồng vay lần hai số tiền 20.000.000 đồng bà T kê ghi 40.000.000 đồng quá trình xét xử bà S không có chứng cứ chứng minh cho lời giải thích này. Án sơ thẩm đã ngừng phiên tòa hai lần và cho đối chất để bà S thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà T buộc bà làm biên nhận gộp, biên nhận ghi gấp đôi số lượng tiền vay thực tế, nhưng bà S không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào khác, ngoài biên nhận nợ do bà T cung cấp là biên nhận gộp lại theo như lời trình bày của bà S

Việc đóng lãi 4 tháng của khoản nợ 240.000.000 đồng bà S trình bày có bút tích của bà T thể hiện có nhận lãi nhưng không thể hiện thông tin là lãi của giao dịch nào, lượng tiền là bao nhiêu, ngày tháng đóng lãi và đã bị gạch bỏ nên không thể xác định các thông tin tại tài liệu trên là bà T nhận lãi của khoản nợ 240.000.000 đồng.

Về thời gian tính lãi: Nếu tính tròn số, tính năm nhuận 2023 âm lịch từ ngày 11/10/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm bà T xác định 44 tháng, khoản vay ngày 11/01/2021 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 41 tháng là đúng + Tiền vốn vay ngày 11/10/2020 âm lịch bằng 200.000.000 đồng; Lãi tính từ ngày 11/10/2020 âm lịch đến ngày xét xử (ngày 14/6/2024) tính tròn 44 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền lãi bằng 146.666.000 đồng. Cộng chung tiền vốn, lãi bằng 346.666.000 đồng.

+ Tiền vốn vay ngày 11/01/2021 âm lịch bằng 240.000.000 đồng; Lãi tính từ ngày 11/01/2021 âm lịch đến ngày xét xử là ngày 14/6/2024 tính tròn 41 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền lãi bằng 164.000.000 đồng. Cộng chung tiền vốn, lãi bằng 404.000.000 đồng.

Cộng chung hai khoản cả tiền vốn, lãi, buộc bà S, ông T1 thanh toán cho bà T bằng 750.666.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm thanh toán: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà S có cung cấp quyết định thuận tình ly hôn giữa bà và ông T1. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 195/QĐ-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước. Ông T1, bà S đã thuận tình ly hôn, về phần tài sản chung và nợ chung ông, bà xác định không nợ ai và cũng không có tài sản chung. Khi vay ông T1, bà S có giao cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T1, bà S. Đối với khoản nợ vay ông, bà viết biên

nhận vay từ năm 2020 thời điểm vay tiền trong thời kỳ hôn nhân ông bà sống chung. Việc vay tiền nhằm phục vụ kinh tế cuộc sống gia đình, bà S xác định khi vay có ông T1 ký tên và khoản nợ này ông T1 vẫn biết. Khi ly hôn ông, bà lại xác định không có tài sản chung, không nợ chung là không đúng sự thật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S cho là do nợ nhiều người nên ông bà ly, hôn. Hiện tại ông bà đã ly hôn nên cần phải phân định rõ trách nhiệm thanh toán nợ của ông bà mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ mới phù hợp, cho nên mỗi người phải chịu thanh toán số tiền 375.333.000 đồng cho bà T. Vì vậy sửa phần trách nhiệm thanh toán.

Án sơ thẩm tuyên công nhận bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà S là chưa đúng nên cần điều chỉnh lại do chấp nhận yêu cầu của bà T nên bà T có nghĩa vụ giao trả lại giấy cho ông T1, bà S khi ông, bà thanh toán xong khoản nợ trên.

[4] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm thanh toán nợ. Xét đề nghị này là phù hợp với các phân tích trên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 34.026.640 đồng. Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà S nên bà S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị S

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

Buộc ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S trả cho bà Nguyễn Thị B T số tiền 750.666.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Cụ thể bà Trịnh Thị S trả số tiền 375.333.000 đồng. Ông Dương Văn T1 trả số tiền 375.333.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T trả lại cho ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 319297 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh C cấp ngày 07/02/2020 do ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S đứng tên đăng ký quyền sử dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn T1 và bà Trịnh Thị S mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 17.013.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Thị S phải chịu 300.000 đồng, ngày 01/7/2024 bà đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 lai số 0013393 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

